

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch tổ chức, xây dựng và bảo đảm một số chế độ chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn huyện, giai đoạn 2013 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư số 85/2010/TT-BQP ngày 01/7/2010 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn một số điều của Luật Dân quân tự vệ; Thông tư Liên tịch số 102/2010/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BNV-BTC ngày 02/8/2010 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ và việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách cho công tác Dân quân tự vệ;

Căn cứ Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Đề án Tổ chức, xây dựng và bảo đảm một số chế độ, chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2013 – 2015;

Xét đề nghị của Ban Chỉ huy quân sự huyện tại tờ Trình số 275/TTr-BCH ngày 22/4/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổ chức, xây dựng và bảo đảm một số chế độ chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn huyện, giai đoạn 2013 – 2015 (có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Giao Ban Chỉ huy quân sự huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Nội vụ huyện và các cơ quan liên quan tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

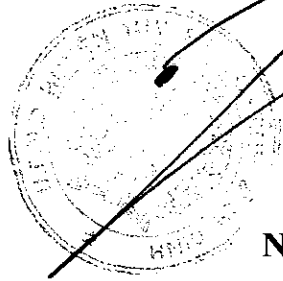
Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện; Trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ CHQS tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- CT, các Phó CT UBND huyện;
- BCHQS 13 xã, thị trấn, 10 cơ sở TV;
- Lưu VT; K6.

Sub

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Huệ

KẾ HOẠCH

**Về tổ chức, xây dựng và bảo đảm một số chế độ chính sách
đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn huyện,
giai đoạn 2013 – 2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106 /QĐ-UBND
ngày 20 / 5 /2013 của UBND huyện)

Căn cứ Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Đề án Tổ chức xây dựng và bảo đảm một số chế độ chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013 – 2015, UBND huyện Tuy Phước xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện trên địa bàn huyện về một số nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU – YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ (DQTV) có số lượng phù hợp, duy trì tỷ lệ DQTV đạt 1,47% so dân số; tổ chức biên chế gọn hợp lý, chặt chẽ; trang bị vũ khí phù hợp; lấy chất lượng chính trị và độ tin cậy làm cơ sở, đến năm 2015 tỷ lệ đảng viên đạt 25% trở lên, Chi bộ Quân sự cấp xã, thị trấn có cấp ủy đạt 50% trở lên.

- Hàng năm 100% cơ sở DQTV, 90% trở lên cán bộ, chiến sỹ DQTV được giáo dục chính trị, pháp luật và huấn luyện quân sự theo phân cấp, nhằm nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng – an ninh (QP-AN) trong tình hình mới, thực sự là lực lượng tin cậy, lực lượng nòng cốt bảo vệ Đảng, chính quyền và tính mạng, tài sản nhân dân ở địa phương, cơ sở.

- Phân đấu đến năm 2015, có 100% Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban CHQS xã, thị trấn được đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở.

- Bảo đảm kịp thời chế độ, chính sách, trang phục, nơi làm việc, trực cho lực lượng DQTV theo Luật DQTV và các văn bản hướng dẫn thi hành, phát huy khả năng bảo đảm tại chỗ, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho lực lượng DQTV. Tùy tình hình thực tế và khả năng ngân sách của địa phương, hàng năm ngân sách tỉnh, huyện, xã, thị trấn, từng bước đầu tư xây dựng nhà, trụ sở làm việc cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, thị trấn và lực lượng Dân quân thường trực của 04 xã, thị trấn trọng điểm về QP – AN theo hướng gắn liền với trụ sở làm việc của chính quyền xã, thị trấn.

2. Yêu cầu

a) Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Kết luận số 41/KLTW của Ban Bí thư; Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 29/3/2010 của Tỉnh ủy Bình Định về việc thực hiện Kết luận số 41-KL/TW của Ban Bí thư (khóa X); Kế hoạch số 08-KH/HU ngày 16/5/2011 của Huyện ủy về thực hiện Kết luận số 41-KL/TW của Ban Bí thư (khóa X); Luật DQTV và các văn bản pháp luật về DQTV đến lãnh đạo các cấp, các ngành nhằm nâng cao nhận thức về vị trí chiến lược, nội dung cơ bản, tính cấp bách của nhiệm vụ xây dựng lực lượng DQTV trong tình hình mới. Nâng cao trách nhiệm, phát huy sức mạnh tổng hợp của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội trong xây dựng, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng DQTV.

b) Thực hiện nghiêm túc chế độ đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ DQTV, xét duyệt dân chủ, công khai, tuyển chọn những người có đủ năng lực, phẩm chất chính trị vào lực lượng. Xây dựng lực lượng DQTV theo phương châm “Vững mạnh, rộng khắp”, thực hiện ở đâu có dân, có tổ chức Đảng ở đó có lực lượng DQTV, chú trọng kiện toàn nâng cao năng lực chỉ đạo, chỉ huy đội ngũ cán bộ DQTV, gắn việc xây dựng lực lượng DQTV với việc đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở. Các doanh nghiệp có tổ chức Đảng phải tổ chức xây dựng lực lượng tự vệ theo quy định của pháp luật. Các địa phương cơ sở cần tập trung chỉ đạo phấn đấu đưa tỷ lệ đảng viên trong DQTV đạt 25% trở lên; Chi bộ Quân sự có cấp ủy đạt 50% trở lên so với tổng số Chi bộ Quân sự; Tiểu đội Dân quân cơ động có đảng viên, Trung đội Dân quân cơ động có tổ đảng. Tất cả các thôn đều có Dân quân; chú trọng xây dựng lực lượng DQTV phòng không, pháo binh, công binh, thông tin, trinh sát, hóa học ở các địa bàn trọng điểm.

c) Cấp ủy, chính quyền các cấp, các ban, ngành, đoàn thể, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm quan tâm bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng DQTV huấn luyện và hoạt động, gắn trách nhiệm nghĩa vụ với quyền lợi của người tham gia DQTV ngày càng tốt hơn; tạo điều kiện động viên lực lượng DQTV cả về vật chất và tinh thần, phù hợp với cơ chế thị trường và khả năng của từng địa phương, cơ sở, cơ quan tổ chức.

d) Cán bộ, chiến sỹ DQTV cần nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí chiến lược của lực lượng DQTV trong tình hình mới. Trên cơ sở đó đề cao trách nhiệm cá nhân hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Gắn nhiệm vụ xây dựng lực lượng DQTV với xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, tăng cường quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế, xã hội và củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, gắn với thể trận an ninh nhân dân ở địa phương.

II. TỔ CHỨC, XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ NÔNG CỐT

1. Đăng ký, quản lý nguồn, tuyển chọn lực lượng DQTV nông cốt

- Triển khai, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong hệ thống chính trị ở cơ sở và toàn dân về ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ, đăng ký công dân trong độ tuổi tham gia nghĩa vụ DQTV. Tổ chức đăng ký chặt chẽ, chính xác ở cấp xã, thị trấn, cơ quan tổ chức, thống kê phân loại, báo cáo đầy đủ theo quy định của Luật DQTV và các văn bản hướng dẫn thi hành; chú trọng đăng ký lần đầu, đăng ký bổ sung, đăng ký di chuyển và loại khỏi danh sách đăng ký các trường hợp hết độ tuổi DQTV, vi phạm...

- Căn cứ bố trí dân cư, tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn để xác định tỷ lệ xây dựng lực lượng DQTV ở từng cấp theo luật DQTV. Ban CHQS huyện trực tiếp chỉ đạo và cùng cơ sở rà soát, tính toán cụ thể để củng cố số lượng dân quân cho phù hợp, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Đảng, chính quyền và nhân dân ở địa phương cơ sở.

2. Củng cố kiện toàn Ban CHQS và cán bộ DQTV

a) Ban CHQS xã, thị trấn

- Thành phần

+ Chỉ huy trưởng là cán bộ, công chức, là thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã, thị trấn; 100% là đảng viên và tham gia cấp ủy cùng cấp;

+ Chính trị viên là Bí thư Đảng ủy xã, thị trấn kiêm nhiệm.

+ Chính trị viên Phó là Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã, thị trấn kiêm nhiệm.

+ Chỉ huy Phó là cán bộ không chuyên trách.

- Số lượng

+ Ban CHQS xã, thị trấn loại 1: (Thị trấn Tuy Phước, thị trấn Diêu Trì, xã Phước An, xã Phước Lộc, xã Phước Thuận, xã Phước Sơn, xã Phước Hiệp, xã Phước Hòa, xã Phước Thắng, xã Phước Quang, xã Phước Hưng); Xã loại 2: (Phước Thành, xã Phước Nghĩa) theo quy định tại Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, thị trấn; Xã, thị trấn trọng điểm quốc phòng – an ninh (thị trấn Tuy Phước, thị trấn Diêu Trì, xã Phước Hiệp, xã Phước Sơn), theo Quyết định số 1966/QĐ-BTL ngày 17/11/2011 của Tư lệnh Quân khu 5 được biên chế không quá 5 người gồm: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó và 01 đến 02 Chỉ huy phó.

b) Ban CHQS cơ quan, tổ chức cấp huyện có số lượng là 04 người, gồm Chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức; Chính trị viên là Bí thư hoặc Phó Bí thư cấp ủy cùng cấp; Chính trị viên phó, Chỉ huy phó đều là cán bộ kiêm nhiệm.

c) Cán bộ quản lý chỉ huy đơn vị DQTV gồm: Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng, Khẩu đội trưởng.

3. Quy định về số lượng

- Cấp huyện: Tỷ lệ DQTV đạt 1,47% so với dân số.

Hàng năm, căn cứ vào chỉ tiêu trên giao và tình hình địa phương, UBND huyện ủy quyền Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng DQTV cho các xã, thị trấn và Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức cho phù hợp.

- Cấp xã, thị trấn:

Căn cứ Thông tư số 85/2010/TT-BQP ngày 01/7/2010 của Bộ Quốc phòng và dân số, yêu cầu nhiệm vụ QP-AN của từng địa phương để xây dựng tỷ lệ Dân quân cho từng xã, thị trấn, bảo đảm đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Chú trọng củng cố xây dựng lực lượng DQTV những nơi có tình hình an ninh chính trị phức tạp; không dàn đều, không để cơ sở “trắng” DQTV; ở những xã dân số ít, địa bàn rộng, thuộc vùng trọng điểm có nhu cầu quốc phòng thì xây dựng tỷ lệ dân quân cao hơn (Chủ tịch UBND các xã, thị trấn đề nghị qua Ban Chỉ huy quân sự huyện tổng hợp để Chủ tịch UBND huyện đề nghị Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh quyết định).

* Xây dựng lực lượng tự vệ ở cơ quan, tổ chức:

- Các cơ quan Nhà nước có số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ký kết hợp đồng lao động dài hạn từ 50 người trở lên tỷ lệ tự vệ từ 10% - 20% so với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động;

- Các cơ quan Nhà nước có số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dưới 50 người căn cứ tình hình cụ thể do Ban chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định tỷ lệ và việc thành lập đơn vị tự vệ.

* Đối với doanh nghiệp:

- Đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nếu có tổ chức đảng, hoạt động sản xuất kinh doanh từ 12 tháng trở lên, có quy mô 50 lao động trở lên phải tổ chức lực lượng tự vệ. Tỷ lệ xây dựng lực lượng tự vệ được tính trên tổng số lao động đã được ký hợp đồng từ 06 tháng trở lên và trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ DQTV; tỷ lệ, số lượng cụ thể được quy định theo Điều 9, Thông tư số 85/2010/TT-BQP ngày 01/7/2010 của Bộ Quốc phòng.

- Doanh nghiệp có dưới 50 lao động nhưng do đặc thù doanh nghiệp và có yêu cầu nhiệm vụ QP-AN thì tổ chức tiểu đội tự vệ.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn Ban CHQS và lực lượng tự vệ cấp huyện trên địa bàn theo Luật DQTV.

4. Quy định về chất lượng DQTV

Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Chi bộ Quân sự, Chi đoàn Dân quân. Tích cực phát triển đảng viên, đoàn viên trong DQTV, hàng năm, phát triển thêm 1% đảng viên mới (hàng năm, mỗi xã, thị trấn kết nạp từ 1-2 đảng viên mới), phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ đảng viên đạt 25% trở lên; 100% cán bộ Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó quân sự xã, thị trấn là đảng viên và 100% được đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học ngành Quân sự cơ

sở; 50% trở lên Chi bộ Quân sự có cấp ủy. Củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ Ban CHQS các xã, thị trấn, cơ quan, tổ chức và cán bộ chỉ huy đơn vị DQTV đúng theo quy định của Chính phủ và Bộ Quốc phòng. Phần đầu Tiểu đội dân quân cơ động, Dân quân thường trực có đảng viên. Trung đội Dân quân cơ động có tổ đảng, Thôn đội trưởng là đảng viên. Chú trọng phát triển đảng viên ở những nơi cơ sở chính trị mỏng yếu, địa bàn xóm chưa có đảng viên.

5. Cơ cấu thành phần, quy mô tổ chức xây dựng lực lượng

a) Cơ cấu thành phần lực lượng

- DQTV gồm DQTV nòng cốt và DQTV rộng rãi.

Lực lượng DQTV nòng cốt gồm: DQ cơ động, DQTV tại chỗ và DQTV binh chủng (phòng không, công binh, pháo binh, trinh sát, thông tin, phòng hóa, y tế).

* Đối với thị trấn Tuy Phước, thị trấn Diêu Trì, xã Phước Sơn, xã Phước Hiệp được Tư lệnh Quân khu quyết định công nhận trọng điểm về QP- AN, tổ chức 01 Tiểu đội Dân quân thường trực trong Trung đội Dân quân cơ động của xã, thị trấn.

b) Quy mô, tổ chức biên chế

* **Cấp huyện:** Quy mô tổ chức đến cấp trung đội

- Lực lượng cơ động:

+ Huyện tổ chức 02 Trung đội Dân quân cơ động gồm: Thị trấn Tuy Phước, xã Phước Sơn.

Biên chế Trung đội Dân quân cơ động cấp huyện: 28đ/c (3 tiểu đội x 9đ/c + 01 Trung đội trưởng).

- Lực lượng súng máy phòng không 12,7^{mm}:

+ Huyện tổ chức 02 trung đội gồm: 01 Trung đội DQ xã Phước Thuận, 01 Trung đội Tự vệ Công ty cổ phần sản xuất vật liệu và xây dựng Constrexim.

Biên chế Trung đội súng máy phòng không 12,7^{mm} gồm: 15đ/c (02 khẩu đội x 7đ/c + 1 Trung đội trưởng).

- Lực lượng pháo binh:

+ Huyện tổ chức 01 Trung đội cối 82^{mm} xã Phước Lộc; 01 Trung đội ĐKZ 82^{mm} xã Phước Thắng.

Biên chế Trung đội cối 82^{mm} gồm: 15đ/c (02 khẩu đội x 7đ/c + 1 Trung đội trưởng).

Biên chế Trung đội ĐKZ 82^{mm} gồm: 15đ/c (02 khẩu đội x 7đ/c + 1 Trung đội trưởng).

* **Cấp xã:** Quy mô tổ chức Trung đội, Tiểu đội và tổ

- Lực lượng Dân quân cơ động:

+ 04 xã, thị trấn gồm: Thị trấn Tuy Phước, thị trấn Diêu Trì, xã Phước Sơn, xã Phước Hiệp trọng điểm về QP-AN tổ chức Trung đội Dân quân cơ động 28đ/c (3 tiểu đội x 9đ/c + 1 trung đội trưởng); tổ chức Tiểu đội Dân quân thường trực **luân phiên** trong Trung đội Dân quân cơ động của xã, thị trấn, quân số 09đ/c (01 Tiểu đội trưởng + 08 chiến sỹ).

+ Các xã còn lại mỗi đơn vị tổ chức 01 Trung đội 22đ/c (03 Tiểu đội x 7đ/c + 01 Trung đội trưởng).

*** Thôn**

- Thôn tổ chức dân quân tại chỗ cấp tiểu đội;

*** Cơ quan, tổ chức**

- Lấy đơn vị công tác, sản xuất để tổ chức lực lượng tự vệ; quy mô tổ chức cấp tiểu đội, trung đội.

- Chủ yếu tổ chức lực lượng tự vệ chiến đấu tại chỗ; cơ quan, tổ chức có quân số tự vệ đông, ngoài việc tổ chức lực lượng chiến đấu tại chỗ, có thể tổ chức lực lượng binh chủng chiến đấu, binh chủng bảo đảm chiến đấu theo sự chỉ đạo của cơ quan quan sự cấp trên.

Ngoài lực lượng DQTV được quy định ở trên, các lực lượng khác tổ chức biên chế theo định hướng chung như Thông tư số 85/2010/TT-BQP ngày 01/7/2010 của Bộ Quốc phòng.

6. Trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ

a) Vũ khí, trang bị

Thực hiện Thông tư số 99/2010/TT-BQP ngày 19/7/2010 của Bộ Quốc phòng về trang bị, đăng ký và quản lý vũ khí, đạn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ của lực lượng dân quân tự vệ, Chỉ thị của Tư lệnh Quân khu và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

* Trang bị vũ khí, đạn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu thường xuyên: Loại súng trang bị cho lực lượng Dân quân: AR15, Garant và một số loại súng khác theo yêu cầu nhiệm vụ.

- Các xã, thị trấn được trang bị 05 khẩu (trong đó AR15: 03 khẩu; mỗi khẩu 10 viên đạn; súng trường Garant: 02 khẩu; mỗi khẩu 08 viên đạn) và công cụ hỗ trợ.

- Các xã trọng điểm về quốc phòng – an ninh có tổ chức tiểu đội dân quân thường trực được trang bị 08 khẩu (trong đó AR15: 05 khẩu; mỗi khẩu 10 viên đạn; súng trường Garant: 03 khẩu; mỗi khẩu 08 viên đạn) và công cụ hỗ trợ. Trong đó trang bị tiểu đội DQ thường trực 02 khẩu AR15, mỗi khẩu 10 viên đạn; 01 khẩu Garant, mỗi khẩu 08 viên đạn.

- Đối với lực lượng Dân quân làm nhiệm vụ A2 tại cơ sở bảo đảm vũ khí, trang bị và công cụ hỗ trợ riêng.

* Các đơn vị tự vệ chưa trang bị súng, đạn.

Quản lý vũ khí: Thực hiện theo Chỉ thị của Tư lệnh Quân khu và hướng dẫn của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

b) Công cụ hỗ trợ

Ngoài vũ khí trang bị theo quy định, lực lượng DQTV trong hoạt động sẵn sàng chiến đấu, tuần tra được trang bị một số công cụ hỗ trợ cầm tay như: Côn, gậy, dùi cui bằng gỗ, nhựa, cao su. Sau khi thực hiện nhiệm vụ phải tập trung quản lý tại trụ sở của Ban CHQS xã, thị trấn, cơ quan, tổ chức, tuyệt đối không giao cho cá nhân quản lý.

7. Tổ chức xây dựng điểm

- Thị trấn Tuy Phước xây dựng điểm về phổ biến, tuyên truyền pháp luật về Luật Dân quân tự vệ, sau đó rút kinh nghiệm, nhân rộng về xây dựng lực lượng dân quân, thời gian vào quý II/2013.

- Xã Phước Sơn, xã trọng điểm về QP-AN làm điểm về xây dựng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng DQTV để rút kinh nghiệm, nhân rộng.

- Doanh nghiệp tư nhân Nghĩa Phát sản xuất đồ gỗ làm điểm tổ chức xây dựng lực lượng tự vệ trong doanh nghiệp năm 2013 để rút kinh nghiệm xây dựng ở các doanh nghiệp còn lại.

III. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, PHÁP LUẬT, HUẤN LUYỆN QUÂN SỰ

1. Đào tạo cán bộ Ban CHQS xã, thị trấn

a) Ban CHQS các xã, thị trấn tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương khảo sát, tuyển chọn, chuẩn bị nguồn đi đào tạo trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở khóa 7 vào Quý 1 năm 2014.

b) Tuyển chọn liên thông từ Trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở lên cao đẳng, đại học. Tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở. Phấn đấu đến năm 2015, có 95% trở lên Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban CHQS xã, thị trấn được đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở.

2. Bồi dưỡng cán bộ

Tham gia đủ 100% theo thông báo tập trung bồi dưỡng cán bộ do Bộ CHQS tỉnh tổ chức.

3. Tập huấn cán bộ

Theo phân cấp hàng năm trước khi bước vào huấn luyện huyện tổ chức tập huấn cán bộ đúng đối tượng, đảm bảo đủ nội dung, sát yêu cầu thực tế.

Cấp huyện

- Đối tượng: Cán bộ trung đội, tiểu đội DQTV bộ binh, thông tin, trinh sát, phòng hóa, y tế; thôn đội trưởng.

- Nội dung: từng đối tượng cụ thể, có nội dung riêng được quy định trong Thông tư số 79/2010/TT-BQP ngày 23/6/2010 của Bộ Quốc phòng.

- Thời gian: 07 ngày/năm.

- Cơ sở tập huấn: Ban CHQS huyện.

4. Giáo dục chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự cho chiến sỹ DQTV

Do huyện, xã, thị trấn tổ chức; đối tượng, nội dung, chương trình, thời gian theo Thông tư số 79/2010/TT-BQP ngày 23/6/2010 của Bộ Quốc phòng.

* Hàng năm căn cứ vào chỉ tiêu, hướng dẫn của trên về công tác đào tạo, tập huấn, huấn luyện; Ban CHQS huyện hướng dẫn cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

- Mọi hoạt động của DQTV trong sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; trong bảo vệ ANCT-TTATXH và các hoạt động khác phải đặt dưới sự lãnh đạo của Cấp ủy đảng, sự điều hành của chính quyền và sự chỉ huy trực tiếp của Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã, thị trấn; Chỉ huy trưởng Ban CHQS cơ quan, tổ chức và sự chỉ huy, chỉ đạo của cơ quan quân sự cấp trên.

- Hoạt động của lực lượng DQTV phải thực hiện nghiêm các quy định tại Điều 25, Chương II, Chương IV, Nghị định số 85/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật DQTV; Nghị định số 74/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ.

- Sử dụng lực lượng DQTV trong bảo vệ an ninh trật tự phải thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Khi tham gia phối hợp hoạt động liên ngành, DQTV làm nhiệm vụ bảo vệ vòng ngoài và vận động tuyên truyền, giải thích cho nhân dân, tạo điều kiện cho các lực lượng và cơ quan chức năng xử lý, giải quyết. Nghiêm cấm sử dụng DQTV trực tiếp trấn áp, bắt giữ người trái phép; thu giữ, phá hủy tài sản của công dân và các việc khác không thuộc phạm vi quyền hạn của lực lượng DQTV theo quy định của pháp luật.

- Hàng năm, căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cơ sở và yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng DQTV được giao để chỉ đạo tổ chức huấn luyện, diễn tập và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp.

- Mọi hoạt động của lực lượng DQTV trong các trạng thái về quốc phòng đều phải xây dựng kế hoạch, thông qua cấp ủy Đảng, chính quyền, thủ trưởng cơ quan, tổ chức cùng cấp, được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các kế hoạch hoạt động phải phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của địa phương, cơ sở, có tính khả thi cao. Cơ quan quân sự các cấp phải căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, Quân khu và tỉnh để xây dựng đủ số lượng kế hoạch được quy định tại Thông tư số 77/2010/TT-BQP và Thông tư số 90/2010/TT-BQP của Bộ Quốc phòng.

V. BẢO ĐẢM CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

Các chế độ, chính sách được quy định theo Luật DQTV, các văn bản hướng dẫn thi hành và quyết định của UBND tỉnh quy định.

1. Chế độ phụ cấp hàng tháng đối với Thôn đội trưởng

Thôn đội trưởng được hưởng phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 0,5 mức lương tối thiểu chung của cán bộ, công chức do Chính phủ quy định.

2. Phụ cấp trách nhiệm quản lý, chỉ huy đơn vị

Mức phụ cấp trách nhiệm quản lý, chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ được tính theo tháng, bằng hệ số mức lương tối thiểu chung của cán bộ công chức do Chính phủ quy định.

a) Tiểu đội trưởng, Khẩu đội trưởng: 0,10;

b) Trung đội trưởng, Thôn đội trưởng: 0,12;

c) Trung đội trưởng dân quân cơ động: 0,20;

3. Chế độ phụ cấp thâm niên

Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó và Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã, thị trấn có thời gian công tác liên tục 5 năm (đủ 60 tháng) tính từ khi có quyết định bổ nhiệm chức vụ được hưởng phụ cấp thâm niên bằng 5% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hoặc phụ cấp hàng tháng hiện hưởng; từ năm thứ sáu trở đi mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 1% cho đến khi thôi giữ chức vụ đó.

4. Chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự

a) Đối tượng áp dụng: Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã (trừ Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đã được bố trí theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP), Trung đội trưởng dân quân cơ động.

b) Mức hưởng phụ cấp bằng 50% mức phụ cấp hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ, thâm niên (nếu có), tính từ tháng có quyết định bổ nhiệm đến khi thôi giữ chức, theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 58/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Mức trợ cấp ngày công lao động đối với Dân quân

a) Dân quân khi huy động làm nhiệm vụ theo quy định được hưởng trợ cấp ngày công lao động bằng hệ số 0,08 mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định.

b) Dân quân nòng cốt đã hoàn thành nghĩa vụ, nếu tiếp tục được kéo dài thời hạn tham gia nghĩa vụ thì ngoài chế độ theo quy định chung, khi được huy động làm nhiệm vụ được hưởng chế độ ngày công lao động tăng thêm bằng hệ số 0,04 mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định.

6. Mức hỗ trợ tiền ăn và chi phí đi lại đối với Dân quân

a) Dân quân khi làm nhiệm vụ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hàng ngày, bố trí ăn ở tập trung thì được chi phí đi lại hoặc thanh toán tàu, xe một lần đi, về; hỗ trợ tiền ăn bằng

mức tiền ăn cơ bản của chiến sỹ bộ binh phục vụ có thời hạn trong Quân đội nhân dân Việt Nam tại cùng thời điểm. (Hiện nay 43.000 đồng/ người/ ngày).

b) Dân quân khi được huy động làm nhiệm vụ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền nhưng chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Điều 42,43 Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ trong thời gian điều trị tại các cơ sở y tế được trợ cấp tiền ăn cơ bản như chiến sỹ bộ binh phục vụ có thời hạn trong Quân đội nhân dân Việt Nam tại cùng thời điểm, nhưng không quá 30 ngày cho một lần chữa bệnh.

7. Trang phục, sao mũ, phù hiệu của DQTV

Cán bộ, chiến sỹ DQTV nông cốt được cấp trang phục, sao mũ, phù hiệu theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 21, Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ.

- Ngân sách Trung ương và địa phương bảo đảm, mua sắm trang phục cho lực lượng dân quân nông cốt.

- Cơ quan, tổ chức bảo đảm mua sắm trang phục cho lực lượng tự vệ.

8. Bảo đảm trang thiết bị công tác, sinh hoạt

- Mỗi Ban CHQS xã, thị trấn phải được bảo đảm tối thiểu gồm: bàn, ghế, tủ đựng tài liệu, tủ sắt đựng súng, công cụ hỗ trợ, vật chất huấn luyện, trang phục dùng chung, máy điện thoại và một số vật chất, công cụ hỗ trợ khác bảo đảm cho Dân quân làm nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu, hoạt động, huấn luyện.

- Riêng Dân quân thường trực tại các xã, thị trấn trọng điểm về QP - AN được bảo đảm đủ phòng sinh hoạt, làm việc, phòng nghỉ, giường, chiếu, chăn, màn và các trang bị khác bảo đảm cho công tác, sinh hoạt, ăn, ở.

9. Dự toán bảo đảm ngân sách cho DQTV

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao, ngân sách được HĐND huyện phê duyệt; cấp xã, thị trấn được phân bổ, dự toán hàng năm theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

VI. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Lực lượng DQTV phải đặt dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Cấp ủy đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền, sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan quân sự các cấp theo quy định của Luật DQTV, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Quốc phòng và các chỉ thị, hướng dẫn, kế hoạch của trên; đồng thời phát huy có hiệu quả sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị các cấp trong tổ chức xây dựng lực lượng DQTV.

2. Xây dựng lực lượng DQTV trước hết là xây dựng về chất lượng chính trị. Bảo đảm là lực lượng trung thành, tin cậy của Đảng, là lực lượng nông cốt bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng tài sản của nhân dân, của Nhà nước ở cơ sở.

3. Chú trọng xây dựng nâng cao chất lượng của lực lượng Dân quân cơ động, thường trực, DQTV phòng không, vùng trọng điểm; xây dựng đến đâu chắc đến đó, gắn với việc đổi mới nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, đặc biệt là địa bàn trọng điểm về quốc phòng – an ninh.

4. Cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp và mặt trận, đoàn thể có trách nhiệm quan tâm bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng DQTV với khả năng kinh tế của địa phương; cơ quan, tổ chức. Tổ chức vận động thu quỹ quốc phòng – an ninh và các hoạt động có thu khác để hỗ trợ cho xây dựng, hoạt động của lực lượng DQTV.

5. Tăng cường việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra kịp thời uốn nắn những sai sót trong tổ chức xây dựng lực lượng DQTV. Tiến hành định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, phát huy những mặt tích cực, tiến bộ, khắc phục những yếu kém, tồn tại nhằm xây dựng lực lượng DQTV thực sự tin cậy, chất lượng, hiệu quả.

VII. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Đến cuối năm 2013

- Củng cố kiện toàn Ban CHQS xã, thị trấn, Ban CHQS cơ quan, tổ chức đủ thành phần theo Luật DQTV. Sắp xếp bổ nhiệm 100% Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban CHQS xã, thị trấn và thôn đội trưởng theo quy định.

- Củng cố kiện toàn đủ lực lượng Dân quân thường trực, Dân quân cơ động, Dân quân phòng không, Pháo binh. Tổ chức huấn luyện từ 90% tổng số Dân quân trong năm, kết quả huấn luyện 100% đạt yêu cầu, có 70-75% khá giỏi trở lên.

- Tập trung rèn luyện lễ tiết tác phong, xây dựng chế độ công tác cán bộ, chiến sỹ DQTV. Thống nhất biên bản, sắp xếp nơi ăn, ở cho lực lượng DQTV, xây dựng cảnh quan môi trường cho Ban CHQS xã.

- Hướng dẫn, triển khai thực hiện công tác xây dựng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng DQTV theo Kế hoạch.

- Tùy tình hình thực tế ngân sách của địa phương, từng bước tổ chức xây dựng nhà làm việc cho Ban CHQS xã.

2. Đến cuối năm 2014

Kiện toàn nâng cao chất lượng DQTV, chủ yếu nâng cao chất lượng chính trị và độ tin cậy của lực lượng DQTV, phấn đấu 100% cán bộ thôn đội trưởng, 100% cán bộ trung đội trưởng, tiểu đội trưởng Dân quân cơ động, thường trực là Đảng viên.

3. Đến cuối năm 2015

- Xây dựng lực lượng DQTV đúng theo quy định của Quân khu và Luật DQTV, tỷ lệ Đảng viên trong lực lượng DQTV đạt 25% trở lên; tỷ lệ Đoàn viên đạt 70% trở lên so với tổng số lực lượng DQTV.

- Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban CHQS xã, thị trấn được đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học ngành Quân sự cơ sở đạt 95% trở lên.

VIII. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Ban Chỉ huy quân sự huyện

- Ban CHQS huyện chủ trì, phối hợp cùng các phòng, ban, ngành có liên quan quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện Kế hoạch Tổ chức, xây dựng và bảo đảm một số chế độ, chính sách đối với lực lượng DQTV trên địa bàn huyện, giai đoạn 2013 – 2015.

- Hàng năm Ban CHQS huyện lập kế hoạch xây dựng lực lượng DQTV, báo cáo UBND huyện. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai cho Ban CHQS xã, thị trấn, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức lập kế hoạch thực hiện công tác DQTV chặt chẽ, chất lượng và hiệu quả.

- Phối hợp các phòng, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức lập kế hoạch xây dựng lực lượng tự vệ, kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, xây dựng kế hoạch động viên nền kinh tế quốc dân, chuẩn bị cơ sở hậu cần, kỹ thuật tại chỗ thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng ở địa phương có liên quan.

- Phối hợp với Phòng Tài chính – Kế hoạch hướng dẫn kiểm tra các địa phương, cơ sở bảo đảm thực hiện thống nhất về chế độ, chính sách cho lực lượng DQTV.

- Hàng năm chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác DQTV ở các địa phương, cơ sở, tổng hợp báo cáo, đề xuất UBND huyện để chỉ đạo.

2. Các phòng, ban

- Phòng Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng chủ trì, phối hợp với Ban CHQS huyện chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, địa phương lập kế hoạch công tác quốc phòng địa phương, kế hoạch kết hợp kinh tế với quốc phòng và kế hoạch động viên nền kinh tế quốc dân. Hướng dẫn, lập dự án xây dựng cơ bản trụ sở, nhà làm việc cho Ban CHQS xã, thị trấn, xây dựng thao trường, bãi tập cho công tác huấn luyện DQTV và giáo dục QP – AN.

- Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban CHQS huyện thống nhất về tổ chức biên chế cán bộ Ban CHQS xã, thị trấn, tập trung bố trí cán bộ Chỉ huy phó Ban CHQS xã, thị trấn. Thống nhất chỉ tiêu số lượng, chọn nguồn đào tạo bố trí, sử dụng cán bộ sau đào tạo cho phù hợp.

- Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Ban CHQS huyện hướng dẫn theo dõi, bảo đảm ngân sách chi cho nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện và hoạt động đối với lực lượng DQTV. Hướng dẫn, kiểm tra việc lập dự toán và thanh quyết toán ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác quốc phòng ở các ban, ngành và các địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Phòng Tư pháp, Đài truyền thanh huyện phối hợp với Ban CHQS huyện và các ngành liên quan tập trung tuyên truyền, phổ biến Luật DQTV, các văn bản thi hành cho cán bộ, công chức và toàn dân, tập trung tuyên truyền phổ biến giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Phòng Tài nguyên & Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban CHQS huyện để khảo sát chọn vị trí xây dựng thao trường huấn luyện, bãi tập, trường bắn cho lực lượng DQTV.

- Các phòng, ban, ngành còn lại theo chức năng nhiệm vụ tổ chức xây dựng lực lượng tự vệ cơ quan theo Luật DQTV. Phối hợp với Ban CHQS huyện tham mưu cho Huyện ủy, HĐND huyện và UBND huyện đôn đốc kiểm tra, tạo mọi điều kiện cho các địa phương, cơ quan, đơn vị xây dựng lực lượng và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng quân sự ở địa phương trong tình hình mới. Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Luật DQTV và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật DQTV. Chỉ đạo Ban CHQS cơ quan, tổ chức lập kế hoạch xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng tự vệ theo quy định dự toán ngân sách bảo đảm công tác quốc phòng, quân sự ở cơ quan, tổ chức, trình lãnh đạo cơ quan, tổ chức phê duyệt bảo đảm cho thực hiện nhiệm vụ.

3. UBND các xã, thị trấn

- Tổ chức quán triệt triển khai thực hiện nghiêm túc Luật DQTV và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật DQTV.

- Chủ tịch UBND xã, thị trấn chịu trách nhiệm trước Cấp ủy đảng, chính quyền cùng cấp và Chủ tịch UBND huyện về thực hiện công tác quốc phòng ở địa phương, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình về công tác quốc phòng theo quy định của Nghị định 119/2004/NĐ-CP ngày 11/5/2004 của Chính phủ về công tác quốc phòng ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương; tổ chức quán triệt, các cấp, các ngành thuộc quyền thực hiện Kế hoạch nghiêm túc, có hiệu quả.

- Khảo sát lập kế hoạch sửa chữa nâng cấp và xây dựng mới trụ sở làm việc cho Ban CHQS xã, thị trấn.

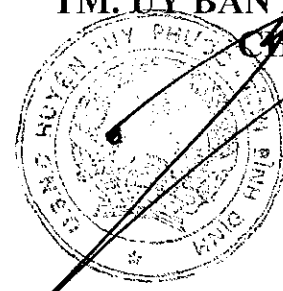
- Các xã, thị trấn lập dự toán ngân sách cấp mình bảo đảm cho xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng DQTV theo quy định.

- Tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, công tác DQTV, giáo dục QP – AN trên địa bàn hàng năm và từng thời kỳ.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị gửi ý kiến về UBND huyện (qua Ban CHQS huyện) để đề xuất, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

Handwritten signature

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Huệ